

12/05/2016

HUỲNH THẾ DU

Xu hướng các nguồn thu thuế của Việt Nam*

Hội nhập kinh tế thế giới là một tiến trình không thể đảo ngược. Bên cạnh những cơ hội nhận được Việt Nam phải đương đầu với những thách thức như cắt giảm thuế quan và hàng rào phi thuế quan để thực hiện tự do hóa thương mại. Tác động của quá trình hội nhập quốc tế đến nguồn thu thuế là khó có thể tránh khỏi. Xu hướng các nguồn thu thuế của Việt Nam như thế nào và vai trò của thuế ngoại thương sẽ ở mức độ nào là những vấn đề đáng quan tâm. Là người vừa được bổ nhiệm vào vị trí chủ nhiệm chương trình tư vấn cải cách thuế cho các cơ quan hữu trách Việt Nam, cô Yến đang đứng trước thách thức là làm thế nào để giúp các cơ quan hữu trách này có thể hình dung được xu hướng về nguồn thu thuế trong tương lai và làm sao có thể tập trung vào các sắc thuế tạo ra nguồn thu ổn định, để thu nhưng không gây ra những bóp méo về động cơ trong các hoạt động kinh tế và tạo sự bất mãn trong công chúng do cảm thấy gánh nặng thuế khóa và không công bằng.

Để có thể trả lời câu hỏi này, cô Yến cùng các cộng sự của mình đã phân tích cơ cấu và xu hướng nguồn thu thuế của Việt Nam đặt trong bối cảnh các nước trong khu vực cũng như xu hướng của các nước trên thế giới. Dưới đây là các kết quả đã được phân tích.

I - XU HƯỚNG VÀ CƠ CẤU THUẾ Ở MỘT SỐ NƯỚC TRONG KHU VỰC

Xét về cơ cấu thu thuế so với GDP, ở nhóm nước có thu nhập thấp chiếm tỷ trọng lớn là các sắc thuế gián thu đánh trên hàng hóa, dịch vụ trong nước; thuế đánh trên thu nhập còn thấp, nguồn thu thuế tài sản và bảo hiểm xã hội chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với GDP. Đối với nhóm nước có thu nhập trung bình thấp và trung bình cao, tỷ trọng đóng góp của thuế gián thu giảm dần, thuế đánh trên thu nhập tăng dần tỷ trọng, nguồn thu từ bảo hiểm xã hội chiếm tỷ trọng đáng kể ở nhóm nước có thu nhập trung bình cao nhưng còn thấp ở nước có thu nhập trung bình thấp. Với nhóm nước có thu nhập cao, đáng chú ý là tỷ trọng đóng góp của bảo hiểm xã hội cao gần bằng với thuế đánh vào thu nhập. Tuy nhiên, mức đóng góp thuế gián thu còn cao hơn thuế thu nhập. Xu hướng thay đổi của một số sắc thuế cụ thể, đó là: sự phổ biến áp dụng thuế GTGT, sự dịch chuyển khỏi thuế xuất nhập khẩu (XNK) và sự giảm về thuế TNDN.

Bảng 1 - Xu hướng nguồn thu thuế của các nhóm nước trên thế giới

Nhóm nước	Nguồn thu thuế (%GDP)	
	1990 - 2000	Hiện nay
Nhóm nước có thu nhập cao	26% - 27%	~ 20%
Nhóm nước có thu nhập TB cao	21%	18 - 20%
Nhóm nước có thu nhập TB thấp	16%	~15%
Nhóm nước có thu nhập thấp	14%	

Nguồn: WDI.

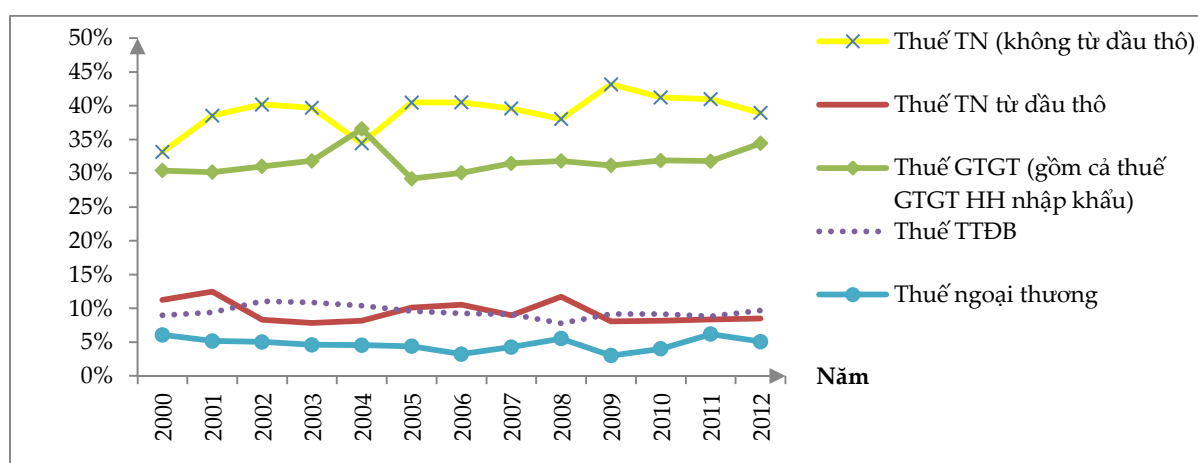
*Tình huống này được Huỳnh Thế Du biên tập từ luận văn Thạc sỹ chính sách công năm 2015 của Nguyễn Thị Ngọc Diệp. Các nghiên cứu tình huống của Chương trình Giảng dạy Fulbright được sử dụng làm tài liệu cho thảo luận trên lớp học, chứ không phải để đưa ra khuyến nghị chính sách.

Nhìn chung, xu hướng nguồn thu có xu hướng hội tụ của các quốc gia có cùng mức phát triển hoặc có những đặc điểm phát triển kinh tế tương đồng. Do vậy, việc xem xét xu hướng về các nguồn thu thuế của Việt Nam như thế nào so với các nền kinh tế tương đồng là hết sức cần thiết. Trên thực tế, cơ cấu thu thuế cũng sẽ thay đổi theo xu hướng chung trên thế giới và rõ ràng nhất là xu hướng của các nước trong khu vực Đông Nam Á vì những nước này có điều kiện tự nhiên khá tương đồng với Việt Nam và đều tham gia vào những Hiệp định, tổ chức thương mại mà Việt Nam đang là thành viên.

1. Indonesia

Hình 1 cho thấy cơ cấu thuế trực thu và gián thu của Indonesia là một loại một nửa. Các loại thuế đóng góp chính trong tổng nguồn thuế Indonesia vẫn là thuế thu nhập không từ dầu thô và thuế GTGT. Nguồn đóng góp từ thuế thu nhập từ dầu thô cao hơn so với thuế XNK và thuế TTĐB. Biến động nguồn thu của các loại thuế qua các năm là không đáng kể. Mức đóng góp của thuế thu nhập có sự giảm nhẹ từ 48% (2000) xuống còn 44% (2012). Tỷ trọng đóng góp của thuế tiêu dùng (bao gồm thuế TTĐB, thuế GTGT, thuế XNK) tăng nhẹ từ 44% (2000) lên 46% (2012). Tương tự như Thái Lan, thuế ngoại thương của Indonesia chỉ vào khoảng 5% tổng nguồn thu.

Hình 1 - Tỷ trọng đóng góp các sắc thuế quan trọng trong tổng DT thuế Indonesia

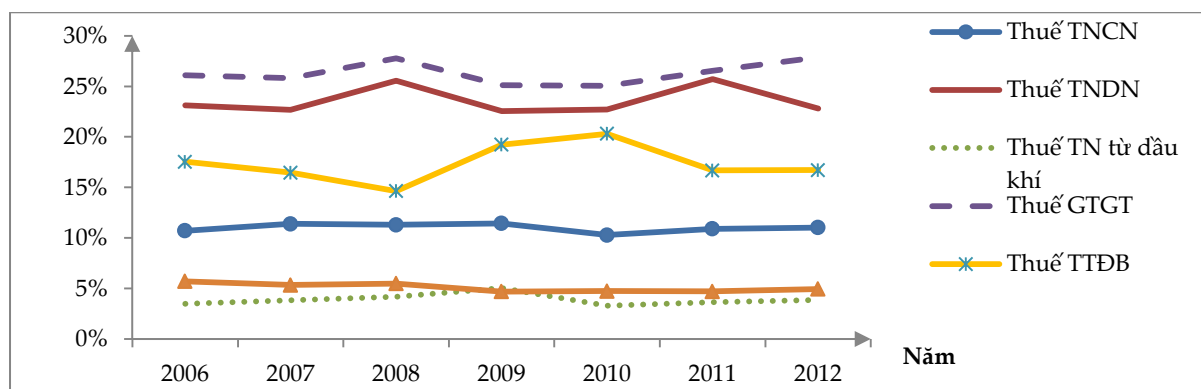


Nguồn: Indonesia Bank và tác giả tự tính toán.

2. Thái Lan

Cơ cấu nguồn thu thuế của Thái Lan trong giai đoạn 2006 - 2012 là khá ổn định và được thể hiện trong Hình 2. Tương tự như Indonesia, trong tổng nguồn thu thuế, thuế gián thu và thuế trực thu của Thái Lan mỗi loại chiếm một nửa.

Hình 2 - Tỷ trọng đóng góp các loại thuế của Thái Lan giai đoạn 2006-2012



Nguồn: Bộ Tài chính Thái Lan và tác giả tự tính toán.

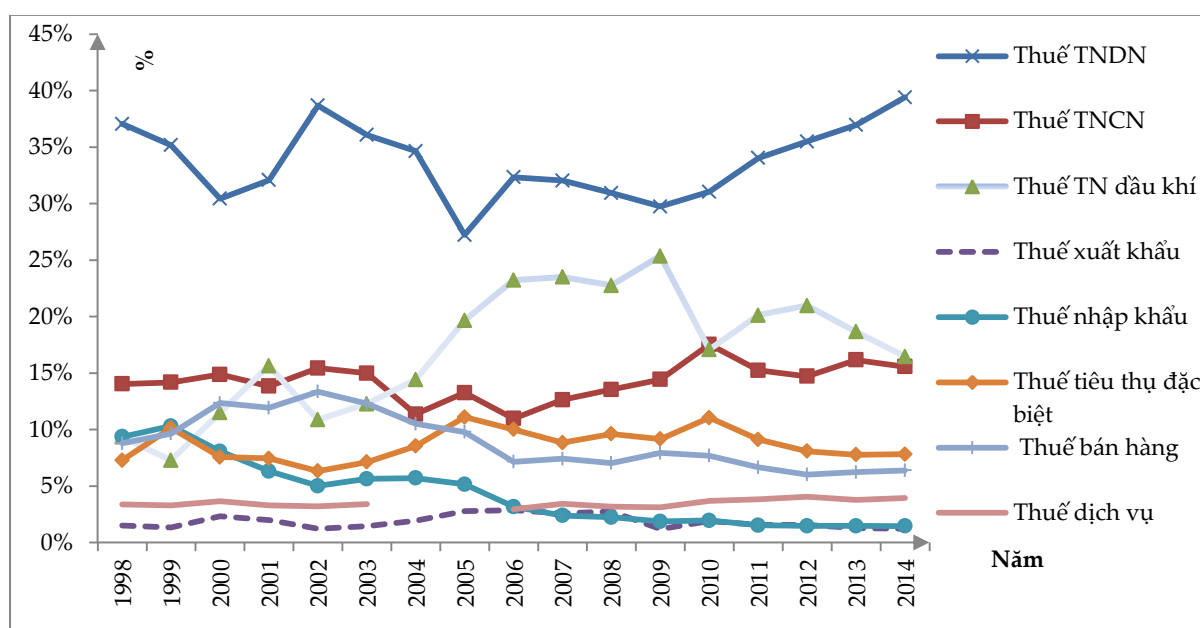
Đối với thuế gián thu, thuế GTGT, là sắc thuế gián thu đóng góp chính vào tổng DT thuế của Thái Lan (trong khoảng 25% - 28%). Diễn biến tỷ trọng đóng góp của thuế GTGT qua các năm giống với thuế TNDN. Thuế TTĐB chiếm khoảng 15 - 20%. Thuế ngoại thương chiếm một tỷ phần khá khiêm tốn trong tổng nguồn thu thuế của Thái Lan (khoảng 5%).

Đối với thuế trực thu, thuế TNCN đóng góp từ 10% - 11% tổng nguồn thu. Thuế này phụ thuộc lớn vào tình hình phát triển của nền KT, khả năng tìm được việc làm, tiền lương của người lao động; cũng như lãi suất và lượng tiền gửi vào ngân hàng. Thuế thu nhập từ đầu mỏ nằm trong khoảng từ 3% - 5% và ít biến động. Thuế TNDN, tỷ trọng đóng góp của sắc thuế nằm trong khoảng 22,5% - 25,7%. Thuế TNDN là một loại thuế trực thu phụ thuộc nhiều vào sự phát triển của nền kinh tế nội địa cũng như thế giới.

3. Malaysia

Trong tổng nguồn thu của chính quyền liên bang (CQLB), nguồn thu từ thuế luôn chiếm một tỷ trọng khoảng 70%. Cơ cấu thu thuế ở Malaysia thuế trực thu chiếm từ trên dưới 70%, còn lại là thuế gián thu.

Hình 3 - Tỷ trọng đóng góp các sắc thuế quan trọng của Malaysia giai đoạn 1998-2014



Nguồn: Bộ Tài chính Malaysia và tác giả tự tính toán.

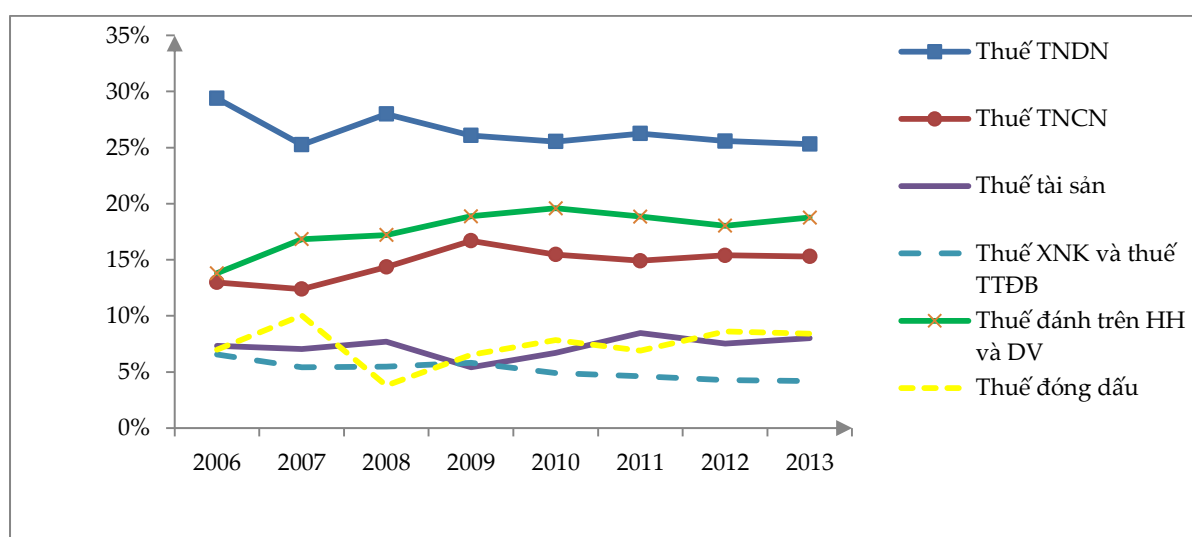
Thuế TNDN chiếm khoảng từ 27%-39%, có nhiều biến động qua các năm và đóng vai trò quan trọng trong nguồn thu ngân sách. Đóng góp lớn thứ hai là thuế thu nhập từ đầu mỏ, thuế này có sự biến động mạnh trong suốt 17 năm, nằm trong khoảng 7% - 25%. Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đóng góp thứ ba, sắc thuế này đang dần tăng tỷ trọng đóng góp vào tổng DT thuế. Trong thời gian nghiên cứu tỷ trọng đóng góp của thuế này có nhiều biến động, nằm trong khoảng từ 11% - 18%, và đạt đỉnh điểm năm 2010.

Các loại thuế gián thu chỉ chiếm khoảng 30%. Xu hướng giảm của thuế ngoại thương rất rõ. Từ hơn 10% vào cuối thập niên 1990 đến nay chỉ còn dưới 5%. Nguyên nhân dẫn đến việc giảm tỷ trọng đóng góp của thuế này là Malaysia phải thực hiện các thỏa thuận khi gia nhập các tổ chức thương mại và khu vực mậu dịch tự do, thực hiện chính sách tự động hóa nội địa. Thuế TTĐB, tỷ trọng đóng góp khoảng 6% - 11%, và có nhiều biến động. Thuế bán hàng, từ năm 1998 - 2004 trong các sắc thuế gián thu thì thuế bán hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng DT thuế CQLB. Nhưng sau đó thuế TTĐB là sắc thuế gián thu đóng góp nhiều nhất. Tỷ trọng đóng góp của thuế bán hàng nằm trong khoảng từ 6% - 13%.

4. Singapore

Cơ cấu giữa thuế trực thu và gián thu của Singapore với khoảng 2/3 là thuế trực thu cao hơn thuế gián thu. Singapore là nước không có nguồn tài nguyên dầu thô, vì thế không thuế thu nhập từ dầu mỏ. Trong nguồn thu thuế của NSNN thì thuế trực thu chiếm tỷ trọng lớn hơn thuế gián thu. Mức đóng góp của các sắc thuế không có nhiều biến động từ năm 2006 - 2013 và giữ mức ổn định. Các nguồn thu thuế chính của Singapore vẫn là thuế TNDN, thuế đánh trên hàng hóa và dịch vụ, thuế TNCN. Các loại thuế còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn thu thuế, đặc biệt trong cơ cấu thu thuế của Singapore có sự đóng góp của thuế tài sản với tỷ trọng đóng góp tương đương với thuế đóng dấu, thuế XNK và TTĐB; trong những năm gần đây tỷ trọng đóng góp của thuế này đang tăng và giữ ổn định. Sự đóng góp của thuế tài sản vào nguồn thu thuế với tỷ trọng cao vẫn chưa thấy ở các nước khác. Đối với thuế XNK đang giảm dần qua các năm và hiện chưa đến 5% tổng nguồn thu.

Hình 4 - Tỷ trọng đóng góp các sắc thuế quan trọng của Singapore



Nguồn: Bộ Tài chính Singapore và tác giả tự tính toán.

5. Đánh giá chung

Kết quả phân tích cơ cấu thu thuế của 4 nước trong khu vực ta thấy rằng các nước nằm trong các nhóm có thu nhập khác nhau nên cơ cấu thu thuế cũng khác nhau. Với Singapore nằm trong nhóm nước có thu nhập cao, có mức độ mở cửa nền kinh tế sâu thì nguồn đóng góp từ thuế trực thu cao hơn thuế gián thu. Tương tự, Malaysia nằm trong nhóm nước có thu nhập trung bình cao, chiếm 3/4 trong tổng nguồn thu là thuế trực thu. Thái Lan và Indonesia nằm trong nhóm nước có thu nhập trung bình thấp giống Việt Nam là các nước đang phát triển, nguồn thu thuế gián thu vẫn cao hơn thuế trực thu. Ngoài ra, xu hướng chung trong cơ cấu thu thuế của các nước là tỷ trọng đóng góp của thuế XNK đang giảm dần qua các năm vì phải thực hiện những cam kết khi hội nhập quốc tế. Nói chung thuế ngoại thương của các nước trong khu vực chỉ chiếm khoảng 5% tổng nguồn thu và dưới 1% GDP.

II – XU HƯỚNG VỀ CƠ CẤU THUẾ CỦA VIỆT NAM SO VỚI MỘT SỐ NƯỚC

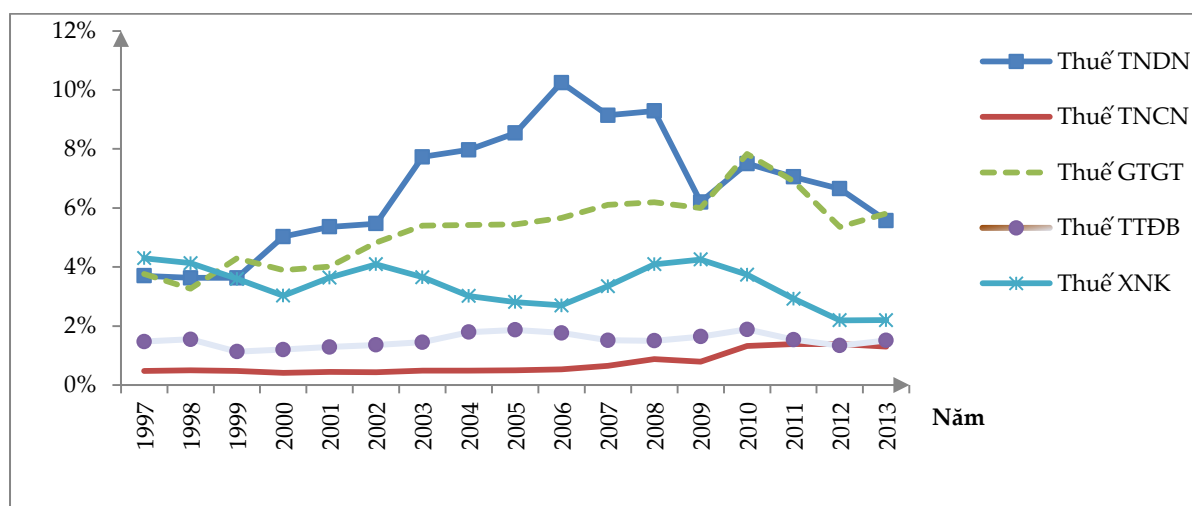
1. Bức tranh chung

Việt Nam bắt đầu mở cửa, đẩy mạnh thông thương với bên ngoài bắt đầu từ những năm 1990, trải qua hơn 20 năm tham gia ký kết nhiều hiệp định song phương và đa phương. Bên cạnh những cơ hội nhận được Việt Nam phải thực hiện những cam kết thuế ngoại thương và thuế nội địa. Cụ thể hóa việc thực hiện các cam kết này là những cải cách trong hệ thống thuế Việt Nam. Trong thời gian qua, Việt Nam đã

tiến hành nhiều đợt cải cách thuế. Cải cách thuế trọng tâm là cải tiến chính sách thuế nhằm đảm bảo một số mục tiêu, trong đó có việc chính sách thuế TNDN, XNK phù hợp với tiến trình hội nhập KT quốc tế, tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế để thúc đẩy sản xuất phát triển. Và để thực hiện những mục tiêu trên là những thay đổi trong chính sách thuế TNDN, thuế XNK và còn nhiều thay đổi khác để phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế. Những thay đổi này sẽ có ảnh hưởng đến nguồn thu thuế. Vì thế để thấy được sự thay đổi trong nguồn thu ta sẽ xem xét cơ cấu thu thuế của Việt Nam qua các năm.

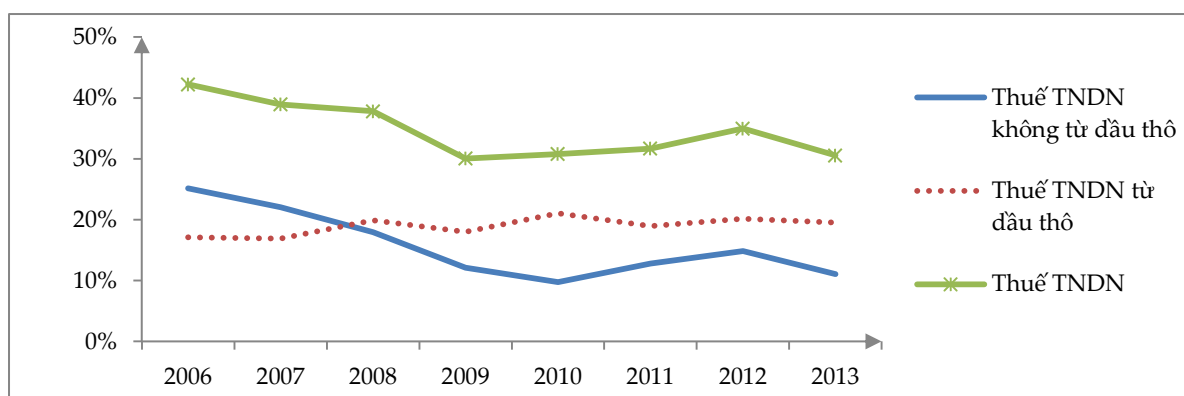
Trong số các sắc thuế chính, thuế GTGT có tầm quan trọng ngày càng tăng sau khi đạt mức đỉnh 7,8%/GDP năm 2010, hiện nay thuế này đang giảm bằng với mức đóng góp của thuế TNDN. Một điều đáng chú ý là sự suy giảm trong số thu từ các loại thuế ngoại thương từ hơn 4%/GDP vào cuối những năm 1990 xuống còn khoảng 2%/GDP vào thời điểm hiện nay. Điều này xảy ra cho dù lượng hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam tăng rất nhanh so với GDP và phản ánh tốc độ suy giảm nhanh chóng của thuế nhập khẩu trung bình do cắt giảm thuế nhập khẩu từ các nước ASEAN. Nguồn thu thuế thứ ba là từ thuế thu nhập. Số thu có được từ thuế TNDN chiếm khoảng hơn 10% GDP năm 2006 đa phần số thu này đến từ khu vực sản xuất công nghiệp quốc doanh – là khu vực hiện đang chiếm tỷ trọng ngày càng giảm trong GDP. Tuy nhiên hiện nay tỷ trọng đóng góp của thuế này đang giảm và ở mức 5% GDP. Thuế TNCN chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ và có xu hướng tăng trong những năm gần đây đạt tỷ lệ gần 2% /GDP. Một loại thuế tiêu dùng có tỷ trọng đóng góp rất ổn định qua các năm nằm trong khoảng từ 1,1% - 1,9% GDP đó là thuế TTĐB. Đóng góp chính vào cơ cấu thu thuế vẫn là thuế gián thu, tuy nhiên thuế TNDN một loại thuế trực thu vẫn là sắc thuế chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu thu thuế. Những đặc điểm này giống với cơ cấu thu thuế của Thái Lan và Indonesia (Haughton, 2011).

Hình 5 - Tỷ trọng đóng góp của từng sắc thuế so với GDP Việt Nam



Nguồn: Bộ Tài chính Việt Nam, tác giả tự tính toán, WB.

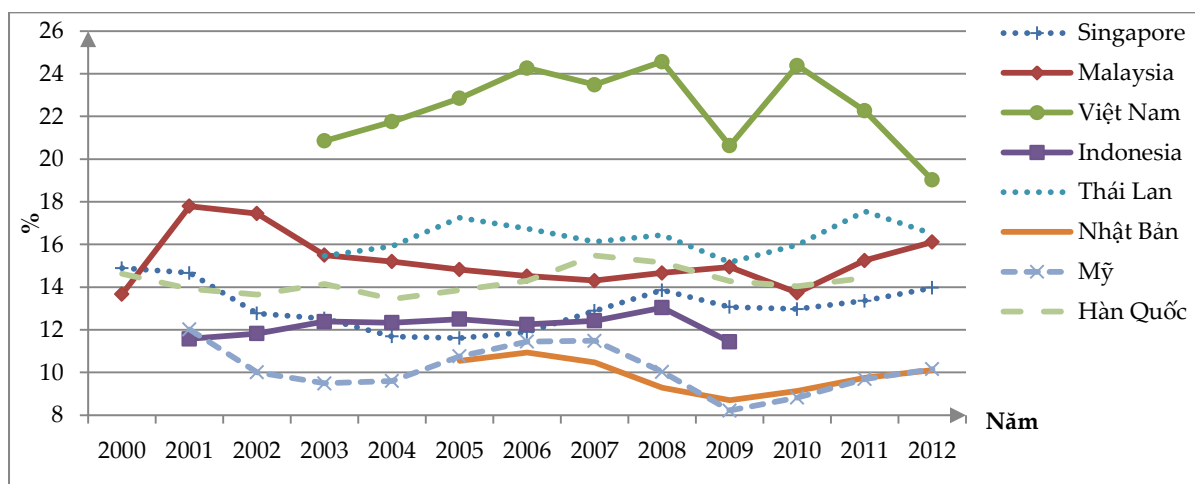
Xét một cách cụ thể về tỷ trọng đóng góp của thuế TNDN vào tổng nguồn thu thuế TNDN được chia làm hai phần thuế TNDN từ dầu thô và thuế TNDN không từ dầu thô. Quan sát Hình 6 ta thấy thuế TNDN từ dầu thô chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu thuế TNDN ở Việt Nam nhưng hiện nay đã giảm dần. Ngoài ra, tỷ trọng đóng góp thuế TNDN không từ dầu thô tương đối ổn định qua các năm, nằm trong khoảng từ 17% - 21%.

Hình 6 - Tỷ trọng đóng góp thuế TNDN vào tổng nguồn thu thuế của Việt Nam

Nguồn: Bộ Tài chính Việt Nam và tác giả tự tính toán.

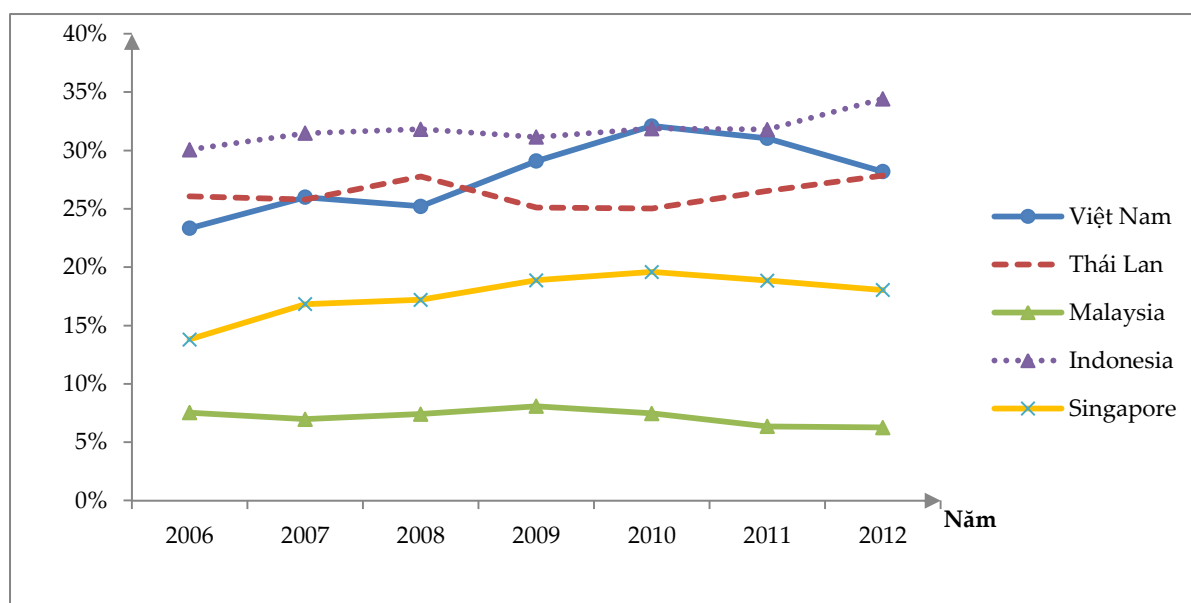
2. So sánh với một số nước trong khu vực

Hình 7 cho thấy ở các nước đang phát triển như Thái Lan, Malaysia, Việt Nam, Indonesia tỷ số này ở mức cao hơn các nước phát triển như Nhật Bản, Mỹ, Singapore. Đứng ở vị trí cao nhất là Việt Nam với mức trung bình là 22,6% (tính trung bình trong giai đoạn từ 2006 - 2012), tiếp đến là Thái Lan trung bình là 16,31%, Malaysia là 14,79%. Với các nước phát triển như Mỹ mức trung bình là 9,97%, Nhật Bản là 9,76%, Hàn Quốc và Singapore có vẻ cao hơn lần lượt là 14,6% và 13,14%. Điều này chứng tỏ gánh nặng thuế ở Việt Nam quá cao. Như đã phân tích ở trên với nhu cầu phát triển đất nước yêu cầu nhiều khoản chi tiêu. Để đáp ứng những khoản chi tiêu này đối với Việt Nam thì thuế là nguồn thu quan trọng. Với trường hợp Thái Lan là một nước thu nhập trung bình thấp như Việt Nam nhưng có sự phát triển đi trước Việt Nam trong nhiều năm tỷ số này là 16,31% tuy có cao hơn các nước trong khu vực nhưng vẫn thấp hơn Việt Nam.

Hình 7 - Tổng thu thuế/GDP (loại trừ đóng góp an sinh xã hội) của một số nước

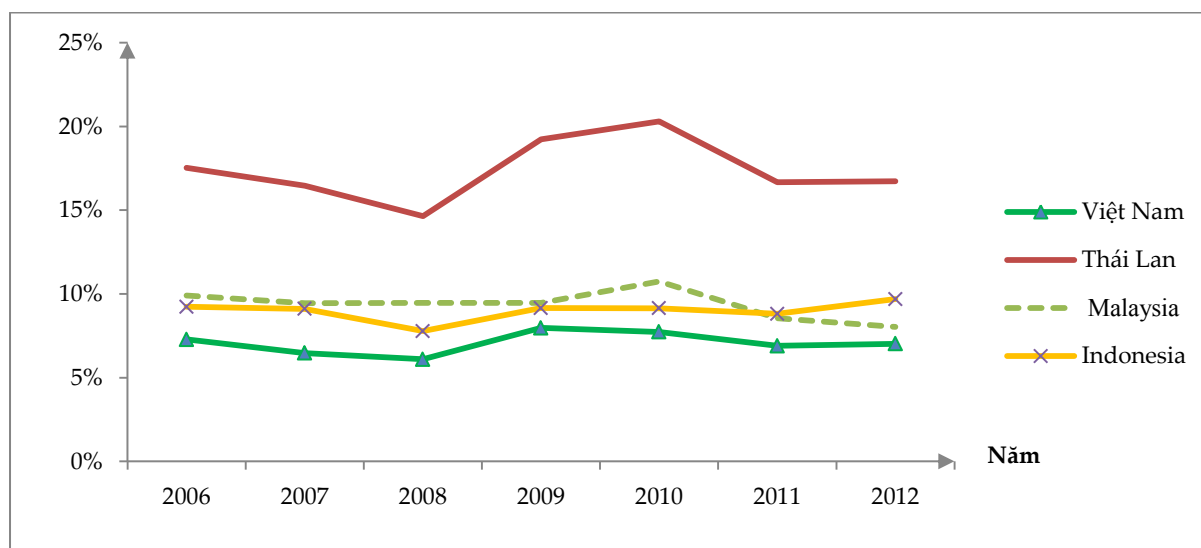
Nguồn: WDI (2015).

Thuế GTGT, mức động viên của thuế GTGT ở Việt Nam cao hơn so với các nước khác từ năm 2009. Nhưng mức đóng góp của sắc thuế này lại giảm từ năm 2010 cho đến nay và chỉ đứng sau Indonesia.

Hình 8 - Tỷ trọng đóng góp thuế GTGT của các nước

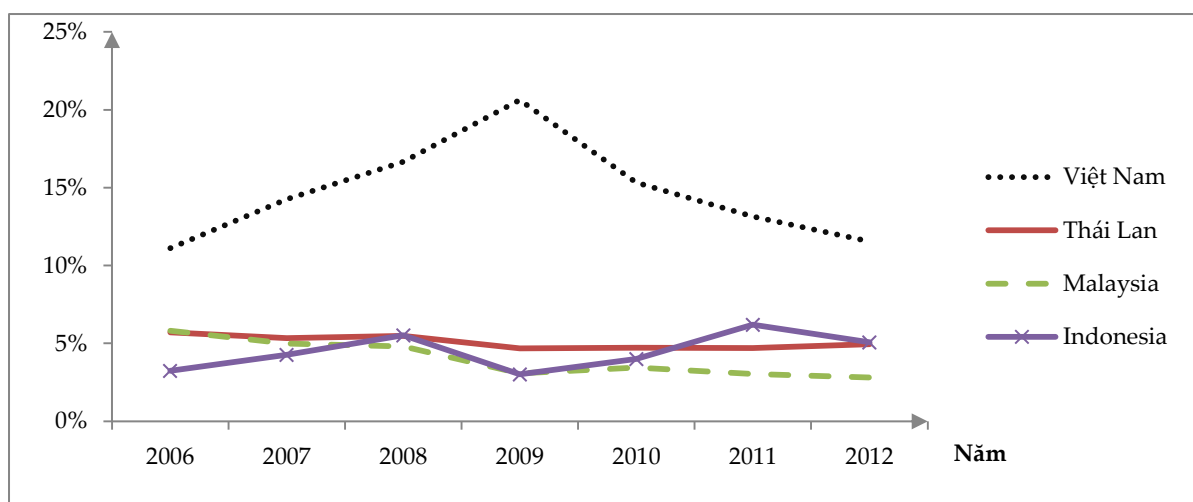
Nguồn: Bộ tài chính các nước và tác giả tự tính toán.

Thuế TTĐB trong nước, tỷ trọng đóng góp thuế này đặc biệt cao ở Thái Lan. Đối với Việt Nam mức đóng góp của thuế này khá tương đồng với hai nước còn lại. Với cơ cấu thu thuế bền vững cần giảm dần tỷ trọng đóng góp của thuế gián thu, trong trường hợp của thuế TTĐB thì Việt Nam đã đi đúng với xu hướng các nước trong khu vực.

Hình 9 - Tỷ trọng đóng góp thuế TTĐB trong nước của các nước

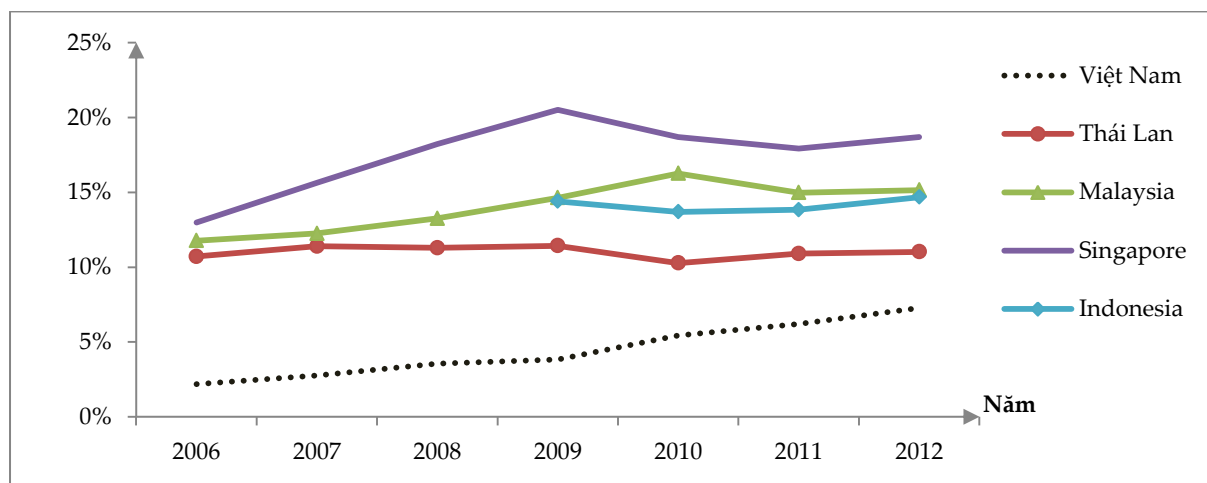
Nguồn: Bộ tài chính các nước và tác giả tự tính toán.

Thuế XNK và TTĐB hàng NK, Việt Nam có tỷ trọng đóng góp thuế XNK rất cao. Xu hướng trong tương lai tỷ trọng đóng góp của thuế này sẽ giảm và dần đi vào ổn định như các nước trong khu vực.

Hình 10 - Tỷ trọng đóng góp thuế XNK và TTĐB HH NK của các nước

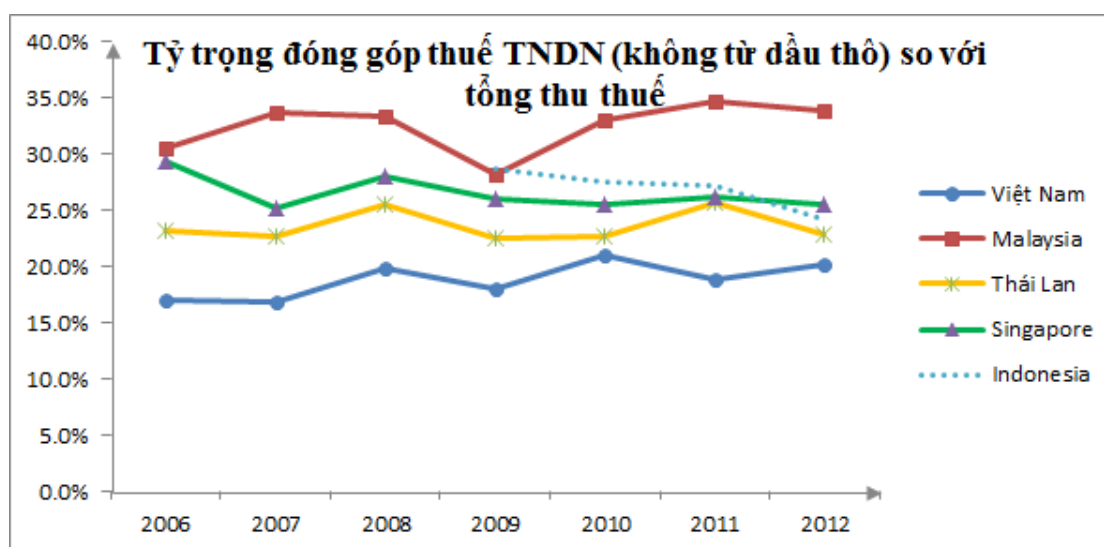
Nguồn: Bộ tài chính các nước và tác giả tự tính toán.

Thuế TNCN, tỷ trọng đóng góp của thuế TNCN của Việt Nam thấp nhất trong các nước. Như đã phân tích ở trên cơ cấu thu thuế của Thái Lan và Indonesia còn nặng về đánh thuế gián thu, tỷ trọng đóng góp thuế trực thu còn thấp. Vì thế, mức đóng góp của thuế TNCN vào tổng số thu thuế còn thấp. Ngược lại, ở hai nước Malaysia và Singapore nằm trong nhóm nước có thu nhập trung bình cao và thu nhập cao thì tỷ trọng đóng góp của thuế trực thu cao biểu hiện là mức đóng góp của thuế TNCN luôn ở mức cao hơn các nước còn lại. Đối với Việt Nam tỷ trọng đóng góp của thuế này đang dần tăng lên trong những năm gần đây và đây cũng là xu hướng thay đổi cho tỷ trọng đóng góp thuế TNCN vào nguồn thu thuế.

Hình 11 - Tỷ trọng đóng góp thuế TNCN của các nước

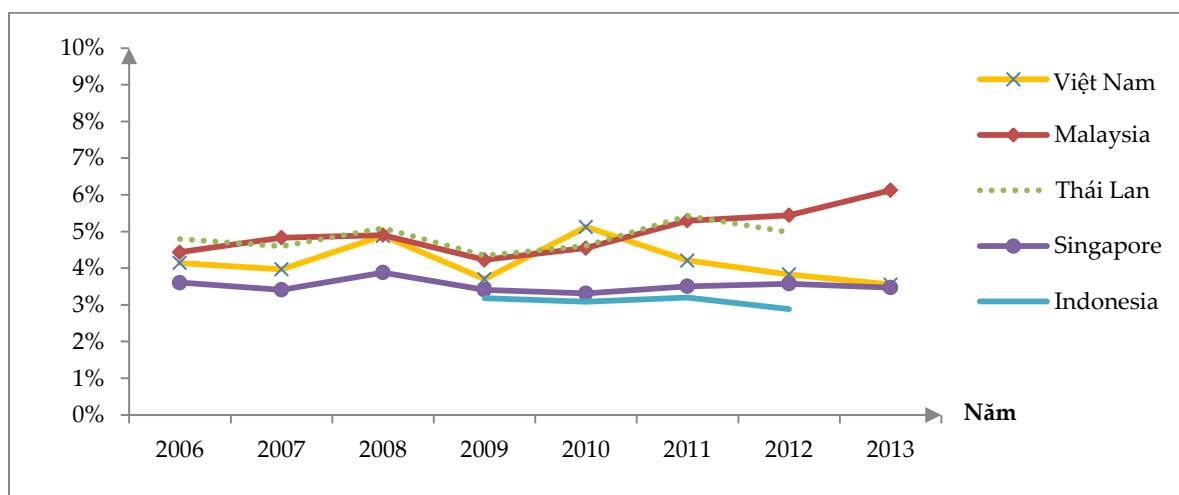
Nguồn: Bộ tài chính các nước và tác giả tự tính toán.

Thuế TNDN, trong trường hợp này chỉ bao gồm thuế TNDN không từ dầu thô của Việt Nam. Quan sát Hình 12 ta thấy rằng mức đóng góp của thuế TNDN vào tổng doanh thu thuế của Việt Nam thấp hơn các nước trong khu vực. Đứng đầu vẫn là Malaysia, mức đóng góp trung bình là 32,5%, tiếp đến là Indonesia trung bình là 26,9%, Singapore là 26,6%, Thái Lan là 23,6%. Nếu loại trừ nguồn thu thuế TNDN từ dầu thô, đây là nguồn thu mang tính chất biến động mạnh phụ thuộc vào thị trường dầu thô thế giới, thì nguồn thu thuế TNDN ở Việt Nam không có nhiều biến động mạnh và vẫn còn thấp hơn với các nước trong khu vực (mức trung bình là 18,8%). Tuy nhiên, so với GDP thì con số này là tương đương.

Hình 12 - Tỷ trọng đóng góp thuế TNDN (không từ dầu thô) so với tổng nguồn thu

Nguồn: Bộ tài chính các nước và tác giả tự tính toán.

Cuối cùng, ta đi so sánh về gánh nặng thuế TNDN của Việt Nam và các nước trong khu vực. Quan sát Hình 13, gánh nặng thuế TNDN của Việt Nam dao động quanh mức 3% - 5%, gánh nặng thuế trung bình là 4,18%. Gánh nặng thuế TNDN của Malaysia trung bình trong giai đoạn nghiên cứu là 4,98% đứng ở vị trí cao nhất, sau đó là Thái Lan ở mức 4,83%. Ngược lại, khi so sánh với Singapore và Indonesia, gánh nặng thuế TNDN ở Việt Nam lại cao hơn. Mặc dù, tỷ trọng đóng góp thuế TNDN vào tổng số thuế ở Singapore và Indonesia ở mức cao hơn ba nước còn lại.

Hình 13 – Gánh nặng thuế TNDN (không bao gồm dầu thô) các nước

Nguồn: Bộ tài chính các nước và tác giả tự tính toán.

Nhìn chung, xét về gánh nặng thuế TNDN thì các nước đang có xu hướng hội tụ lại với nhau, dao động quanh mức 3% đến 6%/GDP. Nói về xu hướng thu thuế TNDN của Việt Nam thể hiện qua gánh nặng thuế TNDN thì Việt Nam đang đi đúng hướng so với các nước trong khu vực, đang dần ổn định và tiến gần đến gánh nặng thuế TNDN của Singapore trong những năm gần đây. Xét về thuế suất theo luật định thì việc hạ mức thuế suất trong những năm gần đây, điều này cũng chứng tỏ chính sách thuế Việt Nam đang đi đúng hướng và tương đồng với các nước trong khu vực.

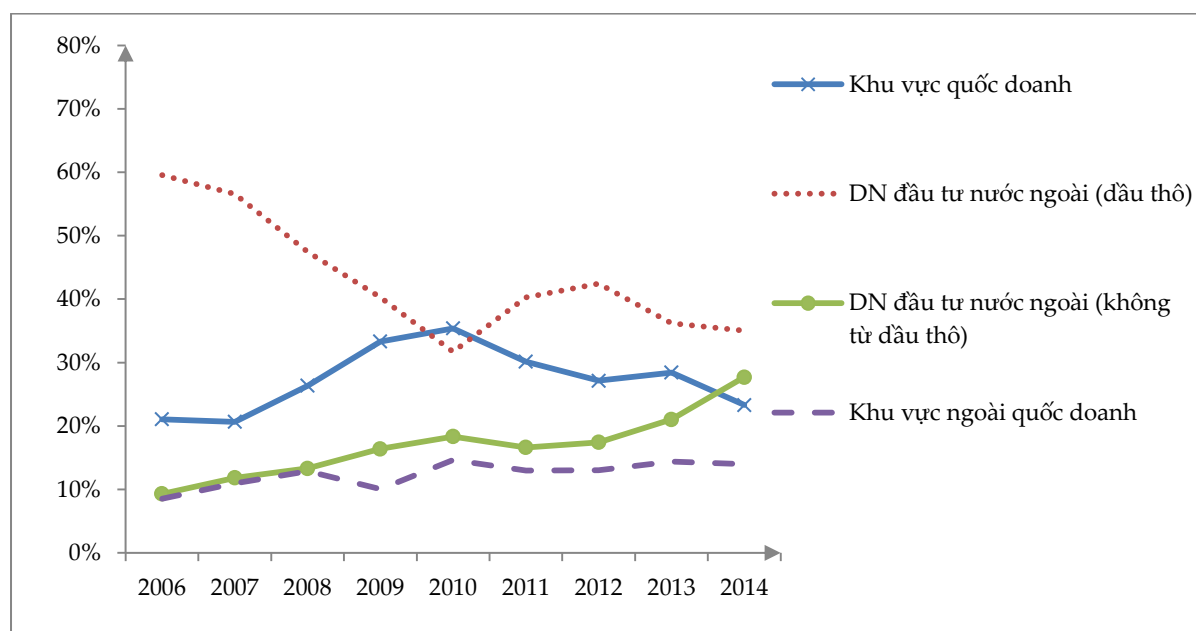
Bảng 2 – Biểu thuế suất thuế TNDN các nước trong khu vực

Đơn vị tính: %

Nước	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Indonesia	30	30	30	28	25	25	25	25	25		
Malaysia	28	27	26	25	25	25	25	25	25	25	
Singapore	20	20	18	18	17	17	17	17	17	17	
Thái Lan	30	30	30	30	30	30	23	20	20	20	
Việt Nam	28	28	28	25	25	25	25	25	22	22	20

Nguồn: KPMG (2015).

Trong quá trình hội nhập quốc tế, việc cam kết cắt giảm thuế quan cùng với quá trình tự do di chuyển nguồn vốn và lao động giữa các nước đã khuyến khích đầu tư nước ngoài, bên cạnh đó là sự xuất hiện của khu vực kinh tế tư nhân đẩy năng động làm thay đổi nhanh chóng số đối tượng nộp thuế khiến cho cơ cấu nguồn thu thuế TNDN giữa các khu vực cũng thay đổi. Quan sát Hình 14 ta thấy đóng góp vào nguồn thu thuế TNDN từ khu vực quốc doanh và các khu vực có vốn đầu tư nước ngoài từ đầu thô đang giảm dần, tỷ trọng đóng góp của khu vực ngoài quốc doanh và đầu tư nước ngoài không từ đầu thô đang tăng lên. Với sự thay đổi cơ cấu nguồn thu như hiện nay, việc giám sát tỷ trọng đóng góp thuế TNDN từ khu vực quốc doanh là điều đáng lo ngại. Vì thế trong công tác quản lý thuế đòi hỏi cần có sự kiểm soát chặt chẽ hơn đối với nguồn thu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Đặc biệt trong những năm gần đây tình trạng chuyển giá của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang nổi cộm và ảnh hưởng đến nguồn thu thuế.

Hình 14– Tỷ trọng đóng góp thuế TNDN của các thành phần kinh tế

Nguồn: Bộ tài chính các nước và tác giả tự tính toán.

Cuối cùng, ta phân tích một sắc thuế chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng là nguồn thu ổn định cho ngân sách các nước đó là thuế bất động sản. Mức đóng viên của thuế này vào GDP khoảng 0,4%/GDP ở Indonesia, cao hơn ở Singapore khoảng 1%/GDP, Malaysia chỉ có thuế đánh trên lợi tức bất động sản và có tỷ trọng rất nhỏ. Ở Việt Nam có rất nhiều loại thuế, phí liên quan đến đất và công trình ở các cấp chính quyền; nhưng số thu thuế và lệ phí từ đất và công trình xây dựng thấp hơn so với quốc tế, chiếm 0,04%/GDP chỉ bằng 1/18 bình quân đối với các nước trong giai đoạn chuyển tiếp (2012). Mặc dù Việt Nam đã ban hành luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp để bao quát được nguồn thu này nhưng chưa hiệu quả. Trong tương

lai, Việt Nam cần có nhiều biện pháp để tăng nguồn thu từ bất động sản vì đây là nguồn thu tiềm năng (Rosengard 2014).

NHIỆM VỤ PHÍA TRƯỚC

Những phân tích nền tảng đã được thực hiện, nhiệm vụ của cô Yến cùng các đồng sự giờ đây cần phải đưa ra dự báo các xu hướng nguồn thu trong khoảng 5 - 10 năm tới của Việt Nam. Trong đó, những vấn đề đáng chú ý gồm cả tổng nguồn thu so với GDP và các loại thuế chính. Những chính sách cải cách thuế trong tương lai mà Việt Nam có thể thực hiện cần phải xem xét đảm bảo năm thuộc tính của một sắc thuế tốt.